

Bản án số: 897/2019/HC-PT

Ngày 13 - 12 - 2019

V/v: *Khiếu kiện yêu cầu hủy quyết
định bồi thường, hỗ trợ tái định cư.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Các Thẩm phán: Ông Phan Đức Phương

Bà Trần Thị Huyền Vân

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Mai Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2019, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 544/2018/TLPT-HC ngày 11 tháng 10 năm 2018.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 116/2018/HC-ST ngày 01 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3298/2019/QĐPT-HC ngày 25 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm: 1943; (Có mặt)

Địa chỉ: 41/5 ấp 5, xã A, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phan Thị Minh K, sinh năm: 1969 (có mặt)

Địa chỉ: ấp 5, xã A, huyện T tỉnh Long An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Lê Bảo Qu – Công ty Luật TNHH MTV Công Toàn – Thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Trịnh Phước Tr - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An. (vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Ngô Tấn T - Trưởng Phòng tài nguyên và môi trường huyện T, tỉnh Long An. (có mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH A.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trâm Cẩm L – Giám đốc

Địa chỉ: số 25/1 Quốc lộ 1A, xã L, huyện B, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn M, sinh năm: 1963 (vắng mặt)

Địa chỉ: 175 L, phường 8, Quận Tân B, TP. Hồ Chí Minh

Người kháng cáo: Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – bà Phan Thị Minh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện trình bày:

Vào ngày 09/6/2017, Ủy ban nhân dân huyện T (UBND huyện T) ban hành Quyết định 4762/QĐ-UBND với nội dung bồi thường, hỗ trợ, tái định cư do thu hồi đất của ông Nguyễn Văn M để thực hiện dự án hạ tầng khu công nghiệp An Nhứt Tân. Tổng cộng số tiền bồi thường là 741.686.000đ, ông M đã nhận tiền bồi thường xong. Ông M không đồng ý giá trị bồi thường vì giá trị đất chưa đúng với thực tế, chưa xem xét vị trí đất và các khoản hỗ trợ khác chưa đúng quy định của pháp luật hiện hành. Do đó, ông Nguyễn Văn M khởi kiện yêu cầu hủy toàn bộ Quyết định 4762/QĐ-UBND ngày 09/6/2017 của UBND huyện T để ban hành quyết định bồi thường theo đúng quy định pháp luật.

Người bị kiện - Ủy ban nhân dân huyện T do ông Trịnh Phước Trung trình đại diện theo ủy quyền bày ý kiến như sau:

Thực hiện chủ trương thu hồi đất để đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp An Nhứt Tân. UBND huyện T đã thực hiện các thủ tục theo quy định và thực hiện kê biên, áp giá, ban hành các quyết định bồi thường cho các hộ dân có đất và tài sản trên đất trong khu Công nghiệp An Nhứt Tân. Trong quá trình ban hành các quyết định thu hồi đất và quyết định bồi thường, các hộ dân trong đó có hộ ông M đã chấp hành và không khiếu nại. Tòa án nhân dân các cấp tỉnh Long An giải quyết và đã tuyên hủy các quyết định bồi thường đối với 82 hộ dân. Để đảm bảo công bằng cho những hộ khởi kiện và những hộ không khởi kiện nên ngày 12/01/2017 UBND tỉnh Long An ban hành Quyết định 148/QĐ-UBND về việc phê duyệt lại hệ số điều chỉnh đơn giá đất bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để giải phóng mặt bằng xây dựng khu công nghiệp An Nhứt Tân trên địa bàn xã A, huyện T. Ngày 09/6/2017, UBND tỉnh Long An ban hành Quyết định 4587/QĐ-UBND ngày 09/6/2017 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án hạ tầng khu công nghiệp An Nhứt Tân. Ngày 09/6/2017, UBND huyện T ban hành phương án bồi thường hỗ trợ, tái định cư số 16/PA-HĐBTGPMB. Theo đó, UBND huyện T ban hành Quyết định 4708/QĐ-UBND với nội dung bồi thường, hỗ trợ, tái định cư do thu hồi đất của ông M để thực hiện dự án hạ tầng khu công nghiệp An Nhứt Tân. Tổng cộng số tiền bồi thường

là 741.686.000đ (mức bồi thường nhận năm 2007 là 240.556.000đ), ông M đã nhận đủ số tiền bồi thường. UBND huyện T xác định đã thực hiện bồi thường đúng theo quy định pháp luật nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M.

Tại Bản án số 116/2018/HC-ST ngày 01 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã quyết định:

Căn cứ Điều 30, Điều 32 và Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; Điều 74, Điều 75, Điều 83 Luật đất đai; Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M về việc yêu cầu hủy quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai của UBND huyện T.

Hủy 01 phần Quyết định 4762/Đ-UBND ngày 09/6/2017 của UBND huyện T tại khoản 2 Điều 1 về chính sách tái định cư.

Hủy Quyết định số 923/QĐ – UBND ngày 18/5/2018 của UBND huyện T.

Buộc UBND huyện T giải quyết lại chính sách tái định cư cho ông Nguyễn Văn M theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo.

Ngày 09/8/2018, Ủy ban nhân dân huyện T kháng cáo bản án sơ thẩm đề nghị sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M về phần tái định cư.

Ngày 07/8/2018, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Phan Thị Minh Kiều kháng cáo yêu cầu tòa phúc thẩm hủy một phần còn lại của quyết định số 4762/QĐ-UBND ngày 09/6/2017 của UBND huyện T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền cho ông Nguyễn Văn M đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên phần quyết định tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên về tái định cư, chỉ kháng cáo về phần giá đất. Việc UBND huyện T áp giá không đúng giá thị trường vì về vị trí các thửa đất của ông M bị thu hồi liền kề với phần đất thổ cư của ông M bị thu hồi do đó phải xem xét bồi thường theo vị trí đất nhà nước xen kẽ khu dân cư liền kề.

Đại diện người bị kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện đề nghị hủy phần tái định cư đối với ông M do tại nhận định tòa sơ thẩm nhận định ông M không được hưởng 01 nền tái định cư là có căn cứ tuy nhiên lại Quyết định hủy về phần này là mâu thuẫn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Luật tố tụng hành chính. Về nội dung: Xét kháng cáo bồi thường về giá bồi thường và vị trí bồi thường: Việc UBND huyện đã áp giá theo quy định của pháp luật, mức giá cao hơn mà ủy ban quy

định. Do vậy, đơn giá UBND huyện áp dụng là có căn cứ. Đối với kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện T về phần tái định cư cho ông M: Giữa nhận định và quyết định của bản án sơ thẩm mâu thuẫn nhưng lại hủy phần Quyết định tái định cư là mâu thuẫn. Do vậy, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông M, chấp nhận kháng cáo của UBND huyện T. Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của ông M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn M làm trong hạn luật định, được Hội đồng xét xử xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo đề nghị hủy Quyết định số 4762/QĐ-UBND ngày 09/6/2017 của UBND huyện T, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 4762/QĐ-UBND ngày 09/6/2017:

Thực hiện dự án khu công nghiệp An Nhứt Tân UBND huyện T đã ban hành các quyết định thu hồi đất và quyết định bồi thường cho các hộ dân trong đó có hộ ông M từ năm 2007-2008. Trong quá trình ban hành các quyết định thu hồi đất và quyết định bồi thường, các hộ dân trong đó có hộ ông M đã chấp hành và không khiếu kiện. Nhưng do Tòa án nhân dân các cấp tỉnh Long An giải quyết và đã tuyên hủy các quyết định bồi thường đối với 82 hộ dân.

Ngày 12/01/2017, UBND tỉnh Long An ban hành Quyết định 148/QĐ-UBND về việc phê duyệt lại hệ số điều chỉnh đơn giá đất bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để giải phóng mặt bằng xây dựng khu công nghiệp An Nhứt Tân trên địa bàn xã A, huyện T.

Để bảo đảm công bằng cho các hộ dân khởi kiện và không khởi kiện, ngày 09/6/2017, UBND tỉnh Long An (UBND tỉnh Long An) ban hành Quyết định 4587/QĐ-UBND ngày 09/6/2017 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án hạ tầng khu công nghiệp An Nhứt Tân. Ngày 09/6/2017, UBND huyện T ban hành phương án bồi thường hỗ trợ, tái định cư số 16/PA-HĐBTGPMB. Theo đó, UBND huyện T ban hành Quyết định 4708/QĐ-UBND ngày 09/6/2017 với nội dung bồi thường, hỗ trợ, tái định cư do thu hồi đất của ông M để thực hiện dự án hạ tầng khu công nghiệp An Nhứt Tân. Tổng cộng số tiền bồi thường là 741.686.000đ (mức bồi thường nhận năm 2007 là 240.556.000đ), ông M đã nhận đủ số tiền bồi thường. Do đó, về thẩm quyền và trình tự ban hành Quyết định 4762/QĐ-UBND ngày 09/6/2017 của UBND huyện T là hoàn toàn đúng trình tự và thẩm quyền theo quy định của khoản 2 Điều 66 và Điều 69 Luật đất đai năm 2013.

[2.2] Về nội dung của Quyết định số 4762/QĐ-UBND ngày 09/6/2017:

[2.2.1] Đối với giá trị quyền sử dụng đất bị thu hồi, để có cơ sở giải quyết

bồi thường, UBND huyện T có đề xuất trưng cầu Công ty Cổ phần Thông tin và Thẩm định giá Miền Nam để xác định giá trị đất theo thời điểm bồi thường và được UBND tỉnh Long An họp dân, niêm yết và phê duyệt theo Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 12/01/2017 là hoàn toàn phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013.

Việc ông M cho rằng UBND huyện T xác định giá trị không đúng nhưng không có căn cứ chứng minh UBND huyện T áp giá không đúng quy định pháp luật nên không xem xét chấp nhận. Bởi lẽ, ông M đưa ra bản thẩm định của Công ty định giá định giá trị đất của ông cá nhân (Lê Văn Thắng) và một số hợp đồng chuyển nhượng đất của các hộ dân tại địa phương cũng không thể căn cứ làm cơ sở cho việc áp giá bồi thường theo yêu cầu của ông M. Và mức giá của UBND huyện T áp dụng cũng cao hơn mức giá đất được UBND tỉnh Long An quy định hằng năm tại thời điểm bồi thường. Nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông M.

[2.2.2] Về yêu cầu xem xét nên tái định cư cấp cho ông M:

Xét thấy ông Nguyễn Văn M đã nhận lô nền tái định cư theo phiếu nhận lô nền tái định cư theo phiếu nhận lô nền ngày 28/11/2009 của Hội đồng Bồi thường giải phóng mặt bằng khu công nghiệp An Nhứt Tân giá trị 49.760.000 đồng đối với lô A11 diện tích 80m² và theo Quyết định số 543/QĐ-UBND ngày 21/01/2010, tái định cư bằng tiền 62.000.000 đồng và ông M không khởi kiện. Tuy nhiên, khi giải quyết bồi thường lại cho ông M UBND huyện T không xem xét ông M có được tiếp tục nhận tái định cư và ưu đãi tái định cư bằng tiền không là thiếu sót. Bởi lẽ, việc thi công và chậm đưa dân vào khu tái định cư là lỗi của nhà đầu tư và trách nhiệm của UBND huyện T. Hơn nữa, ông M tiếp tục chọn nền tái định cư lô A11 mà ông M đã nhận năm 2009 thì ông M phải nộp bao nhiêu tiền cũng không được UBND huyện T giải quyết mà lại xác định: “*Về chính sách tái định cư: Không*” là bất lợi cho ông M.

Đối với Quyết định 923/QĐ-UBND ngày 18/5/2018 UBND huyện T về việc bổ sung Quyết định số 4762/QĐ-UBND ngày 09/6/2017 nội dung bổ sung đoạn 3 vào Điều 2: “*Quyết định này thay thế Quyết định 543/QĐ-UBND ngày 21/1/2017*” trong khi Quyết định số 4762/QĐ-UBND ngày 09/6/2017 lại không giải quyết chính sách tái định cư cho ông M là trái pháp luật. Bởi vì, Quyết định 148/QĐ-UBND ngày 12/01/2017 của UBND tỉnh Long An và Quyết định 4587/QĐ-UBND ngày 09/6/2017 của UBND huyện T về việc phê duyệt lại phương án bồi thường đều không quy định trường hợp đã nhận nền tái định cư thì phải thu hồi của người được giải quyết lại việc bồi thường. Nên ông M được xem xét nhận nền tái định cư là có căn cứ. Do đó, UBND huyện T kháng cáo phần này là không có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông M về giá đất, không chấp nhận kháng cáo của UBND huyện T về phần tái định cư. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí theo quy định. Do ông M sinh năm 1943 nên áp dụng

Nghị quyết 326 miễn án phí phúc thẩm cho ông M.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn M.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của UBND huyện T, tỉnh Long An.

Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm:

Căn cứ Điều 30, Điều 32 và Điều 193 Luật tố tụng hành chính; Điều 74, Điều 75, Điều 83 Luật đất đai; Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M về việc yêu cầu hủy quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai của UBND huyện T.

Hủy một phần Quyết định 4762/QĐ-UBND ngày 09/6/2017 của Ủy ban nhân dân huyện T tại khoản 2 Điều 1 về chính sách tái định cư

Hủy Quyết định số 923/QĐ-UBND ngày 18/5/2018 của UBND huyện T.

Buộc UBND huyện T giải quyết lại chính sách tái định cư cho ông Nguyễn Văn M theo quy định pháp luật.

2. Về án phí hành chính:

- Về án phí sơ thẩm: UBND huyện T phải nộp 300.000 đồng án phí sung vào công quỹ nhà nước. Ông Nguyễn Văn M không phải nộp 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho ông M 300.000 đồng tạm ứng án phí ông M đã nộp theo biên lai thu số 0001050 ngày 20/12/2017 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An.

- Về án phí phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn M được miễn tiền án phí phúc thẩm, được hoàn lại 300.000 đồng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000018 ngày 07/8/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An.

Ủy ban nhân dân huyện T phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000031 ngày 09/8/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- VKSND cấp cao TP HCM;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- Các đương sự;
- Lưu. (17)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thanh Duyên